

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **168/2026/DSST**

Ngày: 24/3/2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc An**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Huỳnh Thị Tỏ**.

2. Bà **Đinh Thị Kim Phụng**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Dương Hồng Tâm**.

Trong ngày **24** tháng **3** năm **2026**, tại trụ sở 1 Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 889/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST-DS ngày 04/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ánh H**, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, T, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Kim L**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, Đ, khu phố I, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện không đề ngày tháng 12 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, ngày 22/4/2018 (AL) bà H có cho bà Nguyễn Kim L vay số tiền 200.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh cửa hàng K (đường T), thời hạn vay là 06 tháng, khi vay có làm biên nhận thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay trả lãi được 01 tháng thì bà L bị đổ nợ nên đi lánh mặt. Đến năm 2024 bà H gặp bà L trao đổi về số tiền còn nợ, hai bên cho bà L trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà L vẫn không thực hiện, ngày 12/3/2024 bà L trả cho bà H được 1.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Tại phiên hòa giải ngày 27/01/2026 bà H thừa nhận có nhận của bà L số tiền 16.000.000 đồng, nên bà L còn nợ của bà số tiền 184.000.000 đồng. Đây là số tiền vay không phải là số tiền hui như bà L trình bày

Nay bà Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Yêu cầu bà L trả cho bà H số tiền vay là 184.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 12/3/2024 đến khi xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật (Lãi tạm tính đến khi ngày 27/11/2025 là 64.142.000 đồng), tổng cộng là 264.142.400 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* **Bị đơn bà Nguyễn Kim L trình bày:**

Vào năm 2016, bà Nguyễn Kim L có mượn bà Nguyễn Thị Ánh H số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng, có đóng lãi mỗi tháng 10 phân) tới năm 2018 bà L làm ăn thua lỗ không khả năng trả nên bà L có bỏ đi. Bà L có điện thoại cho bà H xin trả dần và ngưng phần lãi. Bà H đã chấp nhận. Và bà L về trả mỗi tuần

1.000.000 đồng (một triệu đồng), bà L trả được tới ngày 24/01/2021 Âm lịch thì bà L xin trả tháng mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) Trong thời gian dịch bệnh bà L ngưng trả bà H khoảng một năm. Bà L bắt đầu trả lại, đến tháng 4/2024 bà L đã ngưng (vì bà L tính trả đã dư) bà H có kêu bà L xuống tính tiền, bà L có hẹn bà H qua 30/4 nhưng bà H không đồng ý, bà H có nhắn tin đòi thừa ra tòa vì nói bà L trả chưa đủ còn bà L thì nói tính đủ rồi nhắn qua lại trong tin nhắn. Bà H đi thừa. Bà L thừa nhận chữ ký trong hợp đồng cho vay là chữ ký của bà L, nhưng bà L chỉ mượn 150.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng là tiền hụi, nên bà H mới cộng lại nên thành 200.000.000 đồng. Nay bà L đồng ý trả cho bà H số tiền 60.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 60.000.000 đồng.

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:**

Bà H không đồng ý cho bà L trả số tiền 60.000.000 đồng và không cho trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có bản tự khai vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, theo đó bà H yêu cầu bà L trả số tiền vay là 184.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 12/3/2024 đến khi xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật (Lãi tạm tính đến khi ngày 12/3/2026 là 73.305.600 đồng), tổng cộng là 257.305.600 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Tại biên bản hòa giải ngày 27/01/2026, bà Nguyễn Kim L thừa nhận chữ ký trong hợp đồng cho vay là chữ ký của bà L, nhưng bà L chỉ mượn 150.000.000 đồng vào năm 2016, còn 50.000.000 đồng là tiền hụi, nên bà H mới cộng lại nên thành 200.000.000 đồng. Bà L có trả cho bà Á H nhiều lần đến tháng 4/2024 thì bà L ngưng không trả tiền vì bà L tính đã trả dư số tiền mượn. Nay bà L đồng ý trả cho bà H số tiền 60.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 60.000.000 đồng.

[5] Theo nội dung Hợp đồng vay tiền ngày 22/4/2018 (AL), bà Nguyễn Kim L có vay của bà Nguyễn Thị Ánh H số tiền 200.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tiền và bà L thừa nhận chữ ký trong hợp đồng vay tiền là của bà L. Tại biên bản hòa giải ngày 27/01/2026, bà H thừa nhận bà L có trả 16.000.000 đồng cho bà H. Kể từ khi trả số tiền 16.000.000 đồng cho đến nay, bà L không trả lại số tiền còn lại cho bà H. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền còn lại nhưng bà L không trả tiền và kéo dài cho tới nay. Do đó nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H khởi kiện yêu cầu phía bị đơn bà Nguyễn Kim L phải trả số tiền vay là 184.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 12/3/2024 đến khi xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật (Lãi tạm tính đến khi ngày 12/3/2026. là 73.305.600 đồng), tổng cộng là 257.305.600 đồng, là có cơ sở.

[6] Về phương thức thanh toán: Bà Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu trả số tiền 257.305.600 đồng khi án có hiệu lực pháp luật; Bà Nguyễn Kim L đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng, nhưng xin trả dần 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 60.000.000

đồng. Xét, việc xin trả dần của bị đơn bà Nguyễn Kim L không được nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H đồng ý, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Kim L phải nộp 12.860.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tại thời điểm khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ánh H được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không phải hoàn tạm ứng án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H.

1. Buộc bà Nguyễn Kim L phải trả cho bà Nguyễn Thị Ánh H số tiền vay là 184.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/3/2024 đến khi xét xử với mức lãi suất là 1,66%/tháng (tạm tính đến khi ngày 12/3/2026 là 24 tháng) là 73.305.600 đồng, tổng cộng là 264.142.400 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Kim L chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Kim L phải nộp 12.865.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Quốc An